TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số 14/2020/DS-GĐT
Ngày 31/3/2020
Về *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phẩm.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long và ông Lê Phước Thanh.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*", giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ;
Địa chỉ: H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Mai H; địa chỉ: L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Ông Lê Đình S; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Ông Nguyễn Đình Tr; địa chỉ: Khối J, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2017 của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Năm 2000 bà Nguyễn Thị T được biết Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ (nay là Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ) có chủ trương nhận cà phê gửi giữ của người sản xuất cà phê tại các đơn vị trực thuộc Công ty và mua lại cà phê gửi kho khi người gửi kho chốt bán nên sau khi thu hoạch vụ cà phê năm 2002, bà T đã gửi vào kho của Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất nhập khẩu C - Đ thuộc Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ số lượng 23.430 kg cà phê nhân xô (R2 5%) thể hiện bằng Phiếu nhập kho do Chi nhánh cấp, cụ thể: *Phiếu nhập kho* số 328 gk ngày 22/01/2003 số lượng 10.579 kg; *Phiếu nhập kho* số 338 gk ngày 10/4/2003 số lượng 12.851 kg.

Tháng 8/2003, bà T đến Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất nhập khẩu

C - Đ chốt bán số cà phê đã gửi thì Giám đốc Chi nhánh cho rằng số cà phê bà T gửi kho đã được Chi nhánh chuyển về Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ nên không còn để thanh toán. Vì vậy, từ năm 2005 bà T đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng chưa được giải quyết dứt điểm. Nay, bà T tiếp tục khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết buộc Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ trả bà T số lượng cà phê nhân xô R2 5% là 23.430 kg.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ trình bày:* Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất nhập khẩu C – Đ là đơn vị trực thuộc Công ty Đầu tư xuất nhập khẩu Đ, do ông Nguyễn Mai H làm Giám đốc Chi nhánh, có chức năng thực hiện các công việc theo ủy quyền của Công ty. Ngày 23/12/1999 Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ ban hành ***Thông báo*** số 921/1999/TB/CT *về phương thức nhận cà phê gửi kho của người sản xuất* và ngày 03/01/2003 Công ty ban hành ***Thông báo*** số 09/TB-CT thay Thông báo 921. Sau đó, Công ty còn ban hành ***Thông báo*** số 35/TBCT ngày 24/01/2003, ***Thông báo*** số 61/TBCT ngày 14/02/2003, ***Thông báo*** số 91/TBCT ngày 10/3/2003 và ***Thông báo*** số 113/TBCT ngày 31/3/2003 *V/v chỉ định các đơn vị trực thuộc được phép nhận cà phê gửi kho*, thông báo rõ Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất nhập khẩu C - Đ không được Công ty chỉ định nhận cà phê gửi kho. Thời điểm Chi nhánh C - Đ lập *Phiếu nhập kho* số 328gk ngày 22/01/2003 và *Phiếu nhập kho* số 338gk ngày 10/4/2003 nhận gửi 23.430kg cà phê nhân xô R2 5% của bà T thì Công ty không biết. Tại mục 8 *Bảng kê tình hình công nợ phải trả* tại Chi nhánh C - Đ kèm *Biên bản kiểm toán* ngày 19/9/2003 thể hiện rõ việc nhận gửi số cà phê 23.430kg cà phê của bà T do Chi nhánh tự nhận gửi, không thực hiện theo các Thông báo của Công ty; như vậy, ông H (Giám đốc Chi nhánh C - Đ) tự nhận gửi giữ 23.430kg cà phê của bà T là vượt quá phạm vi đại diện. Khoản 1 Điều 146 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *"Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện, trừ trường hợp người được đại diện đồng ý hoặc biết mà không phản đối; nếu không được sự đồng ý thì người đại diện phải thực hiện nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình về phần giao dịch vượt quá phạm vi đại diện"*. Do ông H và các cộng sự là ông Lê Đình S, ông Phùng Văn S và ông Nguyễn Đình Tr thực hiện giao dịch vượt quá phạm vi đại diện mà Công ty giao nên họ phải chịu trách nhiệm (nếu có) với bà T, không thuộc nghĩa vụ của Công ty.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mai H trình bày:* Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu C - Đ (sau là Trạm cung ứng kinh doanh hàng xuất khẩu C - Đ) là đơn vị trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đ. Ông H cho rằng với tư cách Giám đốc Chi nhánh Ông đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo các ***Thông báo*** số 921/1999/TB/CT ngày 23/12/1999 và ***Thông báo*** số 09/TB-CT ngày 03/01/2003 của Công ty về nhận gửi giữ cà phê của dân. Ông H cho rằng có lúc Công ty cho phép Chi nhánh được dư nợ tồn kho 400 tấn nên có một số *Phiếu nhập kho* (trong đó có các Phiếu nhập kho số lượng 23.430 kg cà phê nhân xô (R2 5%) của bà T) lưu tại Chi nhánh không gửi về Công ty và trước đó niên vụ cà phê 2000 - 2001 cà phê rớt giá nên các Tổ, điểm thu mua

của Chi nhánh sau khi nhận tiền của Công ty qua Chi nhánh bị khách hàng chiếm dụng chưa thu hồi được thì Công ty lại rút xuống chỉ cho phép tồn kho 40 tấn. Theo ông H thì người dân đã gửi cà phê tại kho của Chi nhánh, hiện nay các Chi nhánh đã ngừng hoạt động thì trách nhiệm thanh toán cho dân thuộc Công ty; còn Giám đốc Chi nhánh và nhân viên Chi nhánh chỉ chịu trách nhiệm với Công ty và thực tế Công ty đã ủy quyền cho Chi nhánh khởi kiện người chiếm dụng vốn và bản thân ông H cũng đã bị Công ty xử lý kỷ luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đình S và ông Nguyễn Đình Tr trình bày:* Các Ông nguyên là Trưởng bộ phận kế toán và Thủ quỹ của Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu C - Đ. Theo 02 Ông thì Chi nhánh đã thực hiện nhiệm vụ được giao đúng như ***Thông báo*** số 921/1999/TB/CT ngày 23/12/1999 và ***Thông báo*** số 09/TB-CT ngày 03/01/2003 của Công ty khi nhận gửi giữ 23.430kg cà phê nhân R2 5% của bà T tại *Phiếu nhập kho* số 328/gk ngày 22/01/2003 và *Phiếu nhập kho* số 338/gk ngày 10/04/2003, nay Chi nhánh đã giải thể nên trách nhiệm thanh toán cho bà T thuộc Công ty.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2018/DS-ST ngày 19/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 92, Điều 93, Điều 559, Điều 600, Điều 618 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Đ1 (nay là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ) trả cho bà Nguyễn Thị T số cà phê nhân xô R2 5% là 23.430kg (hai ba ngàn bốn trăm ba mươi kilôgam).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có quyết đinh về án phí.

- Ngày 30/10/2018, Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ có đơn kháng cáo không đồng ý trả cà phê cho bà T.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 29/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ngày 05/12/2019, Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/2020/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 03/3/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/2020/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 03/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu C - Đ là đơn vị trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đ1 nay là Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ. Bà Nguyễn Thị T khởi kiện trình bày Bà được biết chủ trương của Công ty Xuất nhập khẩu Đ về nhận gửi giữ cà phê của dân tại kho của Chi nhánh, khi nào người gửi cần bán thì đến Chi nhánh chốt giá bán nhận tiền. Do đó, sau khi thu hoạch vụ cà phê 2002, bà T đã gửi vào kho của Chi nhánh 23.430 kg cà phê nhân xô (R2 5%), được Chi nhánh cấp *Phiếu nhập kho* số 328 gk ngày 22/01/2003 số lượng 10.579 kg và *Phiếu nhập kho* số 338 gk ngày 10/4/2003 số lượng 12.851 kg. Tháng 8/2003, bà T đến Chi nhánh chốt bán cà phê đã gửi thì Giám đốc Chi nhánh cho rằng số cà phê bà T gửi đã được Chi nhánh chuyển về Công ty; bà T đã khởi kiện từ năm 2005 đến nay nhưng chưa được giải quyết dứt điểm nên nay Bà khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ trả số cà phê bà T đã gửi. Trong khi đó, Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ cho rằng các cá nhân tại Chi nhánh thực hiện không đúng phạm vi đại diện, nhận gửi giữ cà phê nhưng không nhập về Công ty nên họ chịu trách nhiệm cá nhân trả cà phê cho bà T, không liên quan đến trách nhiệm của Công ty.

[2]. Ngày 23/12/1999 Công ty Xuất nhập khẩu Đ ban hành ***Thông báo*** số 921/1999/TB/CT *(về hương thức nhận cà phê gửi kho của người sản xuất)* quy định: *"I/ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG: 1. Công ty nhận cà phê gửi kho cho khách hàng thông qua các đơn vị Chi nhánh, Xưởng chế biến (gọi tắt là đơn vị trực thuộc); hàng gửi kho sẽ được gút bán cho Công ty và thanh toán theo giá thời điểm gút bán.. 3. Thời gian gửi kho là 5 tháng, sau 5 tháng khách hàng có nhu cầu gửi kho tiếp thì báo lại Công ty;...II/ ĐỐI VỚI CHI NHÁNH, TRẠM, XƯỞNG CB TRỰC THUỘC CÔNG TY: 2. Các đơn vị tuyệt đối không được nhận tiền mặt gửi của khách hàng mà phải nhận bằng hiện vật cà phê. 3. Các đơn vị trực thuộc nhận cà phê gửi kho của khách hàng... có trách nhiệm thiết lập các chứng từ pháp lý theo quy định hiện hành và tiến hành giao hàng về Công ty để Công ty cấp Giấy chứng nhận gửi kho cho khách hàng. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hàng gửi kho của khách hàng các đơn vị trực thuộc phải chế biến giao hàng về Công ty, nếu quá thời hạn trên đơn vị không giao hàng về Công ty xem như đơn vị chiếm dụng hàng của người gửi, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty và pháp luật khi có sự cố xảy ra....4. Công ty chỉ cấp Giấy công nhận gửi kho cho khách hàng khi có phiếu nhập kho Công ty, cơ sở chứng từ pháp lý để cấp Giấy công nhận gồm: Phiếu nhập kho Công ty, Phiếu nhập kho của cơ sở với người gửi kho ...7. Các đơn vị trực thuộc tuyệt đối không được giữ lại hoặc sử dụng hàng gửi kho dưới bất kỳ hình thức nào trái với thông báo này...III/ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG BAN CÔNG TY: ...Hàng gửi kho không có Giấy công nhận của Công ty đều không có giá trị pháp lý".* Ngày 03/01/2003, Công ty Xuất nhập khẩu Đ ban hành ***Thông báo*** số 09/TB-CT *(về phương thức nhận cà phê gửi kho của người sản xuất)* quy định: "*… Trong vòng 7 ngày các đơn vị có nhận cà phê gửi kho phải giao toàn bộ cà phê về công ty và đề nghị công ty cấp giấy công nhận cà phê gửi kho cho khách hàng. Hồ sơ xin cấp giấy công nhận gồm: Biên bản xác nhận cà phê gửi kho ký với khách hàng; Phiếu nhập kho có đầy đủ chữ ký (trưởng đơn vị, kế toán, thủ kho); Phiếu nhập cà phê gửi kho của công ty. Đơn vị không được*

tự giữ lại cà phê gửi kho của khách dưới bất cứ hình thức nào hoặc sử dụng vào mục đích khác không giao về công ty thì thủ trưởng và phụ trách kế toán đơn vị đó phải chịu mọi trách nhiệm trước Giám đốc công ty và pháp luật khi có tranh chấp xảy ra... ".

[3]. Xét, nội dung **Thông báo** số 921 ngày 23/12/1999 Công ty quy định trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hàng gửi giữ, Chi nhánh phải giao về Công ty, Công ty sẽ cấp *Giấy công nhận gửi kho* với điều kiện có *Phiếu nhập kho Công ty* và *Phiếu nhập kho của cơ sở* với người gửi kho; tiếp đó, tại ***Thông báo*** số 09/TB-CT ngày 03/01/2003 Công ty còn quy định cụ thể hơn là trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận cà phê khách hàng gửi, Chi nhánh phải giao toàn bộ về Công ty và đề nghị Công ty cấp *Giấy công nhận cà phê gửi kho* cho khách hàng, hồ sơ gồm *Biên bản xác nhận cà phê gửi kho* ký với khách hàng, *Phiếu nhập kho* có đầy đủ chữ ký (trưởng đơn vị, kế toán, thủ kho) và *Phiếu nhập cà phê gửi kho* của công ty; Chi nhánh không được tự giữ lại cà phê gửi kho của khách dưới bất cứ hình thức nào hoặc sử dụng vào mục đích khác. Xét, theo quy định tại Bộ luật dân sự 2005, Điều 92 khoản 5, Điều 93 khoản 1 thì pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do Chi nhánh thực hiện nhân danh pháp nhân nhưng Điều 618 quy định*"Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao…",* như vậy, phải hiểu nếu người đại diện cho Pháp nhân vì vụ lợi hay vì lý do nào đó mà nhân danh Pháp nhân thực hiện không đúng nhiệm vụ được Pháp nhân giao thì Pháp nhân không phải bồi thường.

[4]. Xét, xuất phát từ ***Thông báo*** số 921 ngày 23/12/1999 và ***Thông báo*** số 09/TB-CT ngày 03/01/2003 của Công ty Xuất nhập khẩu Đ thì Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu C - Đ tiến hành nhận cà phê do người sản xuất gửi; còn bà T khi biết được các Thông báo này phù hợp với mục đích của mình là gửi nhờ kho bảo quản hộ khi giá lên bán kiếm lời nên cả Chi nhánh và bà T đều có nghĩa vụ tuân thủ quy định của Công ty tại các Thông báo trên. Tuy nhiên, ngoài xuất trình *Phiếu nhập kho* số 328 gk ngày 22/01/2003 số lượng 10.579 kg và *Phiếu nhập kho* số 338 gk ngày 10/4/2003 số lượng 12.851 kg do Chi nhánh cấp thì bà T không xuất trình được *Giấy công nhận cà phê gửi kho* và *Phiếu nhập cà phê gửi kho* do Công ty Xuất nhập khẩu Đ cấp. Hơn nữa, tại các ***Thông báo*** số 35/TBCT ngày 24/01/2003, ***Thông báo*** số 61/TBCT ngày 14/02/2003, ***Thông báo*** số 91/TBCT ngày 10/3/2003 và ***Thông báo*** số 113/TBCT ngày 31/3/2003, Công ty Xuất nhập khẩu Đ đã thông báo Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất nhập khẩu C - Đ không được phép nhận cà phê gửi kho của khách hàng nên việc ngày 10/4/2003 bà T ký gửi được Chi nhánh cấp *Phiếu nhập kho* số 338 gk số lượng 12.851 kg cà phê do (nếu có) càng không thuộc trách nhiệm của Công ty.

[5]. Ông H và các nhân viên của Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu C - Đ cho rằng có lúc Công ty cho phép Chi nhánh được dư nợ tồn kho đến 400 tấn nên Chi nhánh giữ lại một số *Phiếu nhập kho* (trong đó có các *Phiếu nhập kho* số lượng 23.430 kg cà phê của bà T) nên Công ty phải chịu trách nhiệm trả cà phê cho bà T nhưng ông H không có chứng cứ (văn bản do Công ty ban hành) để chứng minh việc này. Mặt khác, ***Bảng kê*** *về tình hình công nợ phải trả tại Chi nhánh Đăk Min (không kể công nợ trước khoán) tính đến ngày 31/8/2001* tại mục

8 *(nợ tự huy động cà phê)* thể hiện "*23.430kg cà phê của bà Nguyễn Thị T do ông H tự huy động"* và ***Biên bản kiểm toán*** ngày 19/9/2003 kết luận*"Các khoản chi nhánh tự huy động bằng cà phê trái với các thông báo của công ty về nhận cà phê gửi kho của người sản xuất, nếu có hậu quả xảy ra lãnh đạo chỉ nhánh và phụ trách kế toán phải chịu hoàn toàn trách nhiệm"* và ông H đã ký Biên bản này (bút lục 76-80).

[6]. Từ các tài liệu được dẫn chứng, phân tích tại các luận điểm nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu C - Đ thuộc pháp nhân (Công ty Xuất nhập khẩu Đ) "*thực hiện không đúng nhiệm vụ"* được pháp nhân giao; còn bà T cũng đã khai từ việc biết chủ trương của Công ty phù hợp với mục đích của mình là gửi kho nhờ bảo quản hộ cà phê khi giá lên bán kiếm lời nhưng không thực hiện đúng các ***Thông báo*** số 921, số 09/TB-CT và thực hiện gửi cà phê theo *Phiếu nhập kho* số 338 gk số lượng 12.851 kg ngày 10/4/2003 trái với các ***Thông báo*** số 35/TBCT ngày 24/01/2003, số 61/TBCT ngày 14/02/2003, số 91/TBCT ngày 10/3/2003 và số 113/TBCT ngày 31/3/2003 của Công ty nên nếu có việc bà T có gửi số lượng 23.430kg cà phê tại Chi nhánh thì ông H và các cá nhân có liên quan tại Chi nhánh đã nhận cà phê của bà T có nghĩa vụ trả bà T. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 5 Điều 92, khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ trả bà T 23.430kg cà phê, đồng thời nhận định trường hợp Công ty cho rằng ông Nguyễn Mai H, ông Lê Đình S, ông Phùng Văn S và ông Nguyễn Đình Tr có lỗi trong việc nhận gửi giữ cà phê của bà T thì có quyền khởi kiện yêu cầu những người này hoàn trả là không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/2020/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 03/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận. Ngoài ra, tranh chấp giữa bà T với Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Đ là *"Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản"* nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp là*"Kiện đòi tài sản"* là không đúng vì chưa có tài liệu nào thể hiện Công ty chiếm giữ tài sản của bà T. Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cần phải đồng thời giải quyết hậu quả của việc thi hành án và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (02 bản kèm hồ sơ vụ án để xét xử ST lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GĐKT về Dân sự, Kinh doanh thương mại và Lao động.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân